HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 24/NQ-HĐND	*Đắk Nông, ngày 22 tháng 9 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước năm 2020;

Xét Tờ trình số 4834/TTr-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 và năm 2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đối với nguồn ngân sách địa phương với tổng số tiền là 79.105 triệu đồng, chi tiết tại Phụ lục I đính kèm theo.

Điều 2. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2020 đối với nguồn ngân sách địa phương với tổng số tiền 85.401 triệu đồng, chi tiết tại Phụ lục II đính kèm theo.

Điều 3. Bổ sung danh mục 02 dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020, sử dụng nguồn vốn từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2019 với tổng số tiền là 13.000 triệu đồng (số tiền thực hiện các dự án, hạng mục này không tính trong tổng nguồn vốn trung hạn 2016-2020 đã nêu ở trên), chi tiết tại Phụ lục III đính kèm theo. Cụ thể:

- Dự án cấp bách xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, với tổng mức đầu tư là 3.000 triệu đồng.

- Dự án Tượng đài Nơ Trang Lơng và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912-1936, với số tiền là 10.000 triệu đồng (*giai đoạn 1*).

Điều 4. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng quy định và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 22 tháng 9 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác Đại biểu;
- Thường trực: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN T. ĐẮK NÔNG

Lê Diễn

Phụ lục I

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*15*	*14*	*17*	*18*	*19*	
TỔNG SỐ (A+B+C)									**3.019.660**	**650.252**	**471.189**	**200.903**	**465.988**	**79.105**	**79.105**	**465.988**	
A	**Nguồn thu sử dụng đất**								**564.033**	**124.276**	**34.355**	**32.800**	**135.672**	**29.000**	**29.000**	**135.672**	
I	**Đầu tư các dự án hạ tầng có thu tiền sử dụng đất**								**564.033**	**124.276**	**34.355**	**32.800**	**135.672**	**29.000**	**29.000**	**135.672**	
1	**Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**564.033**	**124.276**	**34.355**	**32.800**	**42.552**	**20.000**	**-**	**62.552**	
a	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**564.033**	**124.276**	**34.355**	**32.800**	**42.552**	**20.000**	**-**	**62.552**	
1.1	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	Ban Chỉ huy quân sự thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa			1722/QĐ-UBND, 26/10/2010	39.649	39.649	34.355	22.800	22.800	4.000		26.800	Tờ trình 509/TTr-BCHQS-TH ngày 03/6/2020
1.2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp				159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2009	524.384	84.627		10.000	19.752	16.000		35.752	Công văn số 20/CV-BQL ngày 02/7/2020
2	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020**								**-**	**-**	**-**	**-**	**93.120**	**9.000**	**29.000**	**73.120**	
2.1	Đề bù, GPMB Dự án kết nối các trục đường đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa			Sở Xây dựng									30.000		6.000	24.000	Không có khả năng giải ngân trong năm; hiện chủ đầu tư đang lập kế hoạch GPMB.
2.2	Phần còn lại để giải phóng mặt bằng đô thị Gia Nghĩa (Đường bờ Đông hồ Trung tâm)			Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa									38.120		14.000	24.120	Không còn nhu cầu thanh toán, theo báo cáo của UBND thành phố Gia Nghĩa

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2.3	Hỗ trợ ngân sách thành phố Gia Nghĩa thực hiện Hạ tầng Hồ Thiên Nga			UBND thành phố Gia Nghĩa										9.000		9.000	Chuyển kinh phí dự kiến GPMB về thành phố để hỗ trợ thực hiện dự án
2.4	Đền bù, GPMB hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga			UBND thành phố Gia Nghĩa									25.000		9.000	16.000	Chuyển kinh phí dự kiến GPMB về thành phố để hỗ trợ thực hiện dự án
B	**Nguồn xổ số kiến thiết (Lĩnh vực y tế)**								**31.282**	**27.355**	**20.141**	**20.141**	**42.973**	**1.361**	**1.361**	**42.973**	
1	**Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**3.500**	-	-	-	-	**163**	-	**163**	
a	**Các dự án thanh toán nợ**								**3.500**	-	-	-	-	**163**	-	**163**	
1.1	Trạm Y tế xã Nam Xuân	7523006	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông				1027/QĐ-UBND 10/7/2015	3.500					163		163	1979/QĐ-UBND 18/12/2017
2	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020**								**27.782**	**27.355**	**20.141**	**20.141**	**42.973**	**1.198**	**1.361**	**42.810**	
a	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2017**								**5.427**	**5.000**	**3.376**	**3.376**	**4.600**	**400**	-	**5.000**	
2.1	Trạm y tế xã Quảng Trực	7601292	132	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức			1528/QĐ-UBND 28/10/2016; 386/QĐ-UBND 07/3/2017	5.427	5.000	3.376	3.376	4.600	400		5.000	1836/QĐ-UBND 15/9/2020
b	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2018-2020**								**22.355**	**22.355**	**16.765**	**16.765**	**20.900**	**798**	**342**	**21.356**	
2.1	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống khí y tế, thang máy BVĐK tỉnh Đắk Nông	7725006	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2019-2021	1718/QĐ-UBND 31/10/2018	5.000	5.000	2.300	2.300	4.400	482		4.882	
2.2	Sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh.	7661108	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2018-2020	298/QĐ-UBND 30/10/2017	4.763	4.763	4.028	4.028	4.500		56	4.444	Sở Y tế tại Công văn số1316/SYT-

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2.3	Nâng cấp 01 phòng mổ Bệnh viện đa khoa tỉnh đạt chuẩn vô khuẩn cấp độ 10.000 (tuyệt trùng 100%)	7725007	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2019-2021	198/QĐ-SXD 26/10/2018	7.000	7.000	6.000	6.000	7.000		286	6.714	KHTC ngày 19/6/2020
2.4	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 Trạm y tế (ngoài các trạm y tế đã được đầu tư năm 2017)	7725008	139	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông			2019-2021	206/QĐ-SXD 30/10/2018	5.592	5.592	4.437	4.437	5.000	316		5.316	
c	**Kinh phí bổ sung thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định Trung ương**												**17.473**		**1.019**	**16.454**	
C	**Nguồn cân đối ngân sách địa phương**								**2.424.345**	**498.621**	**416.693**	**147.962**	**287.343**	**48.744**	**48.744**	**287.343**	
I	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo**								**48.453**	**48.453**	**41.699**	**36.100**	**36.100**	**4.022**	**-**	**40.122**	
1	**Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**14.131**	**14.131**	**13.099**	**7.500**	**7.500**	**35**	**-**	**7.535**	
a	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**14.131**	**14.131**	**13.099**	**7.500**	**7.500**	**35**	**-**	**7.535**	
1.1	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đắk Nông	7445946	075	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2015-2017	1359/QĐ-UBND, 12/9/2014	14.131	14.131	13.099	7.500	7.500	35		7.535	11/QĐ-STC 20/01/2020
2	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020**								**34.322**	**34.322**	**28.600**	**28.600**	**28.600**	**3.987**	**-**	**32.587**	
a	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2017**								**34.322**	**34.322**	**28.600**	**28.600**	**28.600**	**3.987**	**-**	**32.587**	
2.1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tường rào, nhà công vụ Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Nông	7557148	075	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2017-2019	165/QĐ-SXD 31/10/2016	2.047	2.047	1.800	1.800	1.800	136		1.936	42/QĐ-STC 28/4/2020
2.2	Trường THPT Krông Nô; hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng, 03 tầng	7599568	074	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô		2017-2019	164/QĐ-SXD 30/10/2016	8.000	8.000	7.200	7.200	7.200	56		7.256	43/QĐ-STC 04/5/2020

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2.3	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức	7606899	075	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức			172/QĐ-SXD 31/10/2016; 132/QĐ-SXD 12/6/2017	11.473	11.473	9.700	9.700	9.700	1.752		11.452	KL nghiệm thu
2.4	Trường THPT xã Đắk Wil, huyện Cư Jut	7606286	074	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jut		2017-2019	163/QĐ-SXD 31/10/2016	12.802	12.802	9.900	9.900	9.900	2.043		11.943	13/QĐ-STC 13/12/2019
II	**Lĩnh vực khoa học, công nghệ**								**43.144**	**43.144**	**30.621**	**23.550**	**24.550**	**7.700**	**-**	**32.250**	
1	**Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**8.205**	**8.205**	**7.071**	**-**	**-**	**179**	**-**	**179**	
a	**Dự án thanh toán nợ**								**8.205**	**8.205**	**7.071**	**-**	**-**	**179**	**-**	**179**	
1.1	Trạm ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông	7043187	103	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.				213/QĐ-SKH 03/12/2008; 110/QĐ-SKH 20/7/2010	8.205	8.205	7.071			179		179	10/QĐ-STC 20/01/2020
2	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020**								**34.939**	**34.939**	**23.550**	**23.550**	**24.550**	**7.521**	**-**	**32.071**	
a	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2017**								**34.939**	**34.939**	**23.550**	**23.550**	**24.550**	**7.521**	**-**	**32.071**	
2.1	Nâng cao năng lực cho Trung tâm Thông tin ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông.	7560159	103	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa		2016-2018	501/QĐ-UBND 31/3/2016; 1426/QĐ-UBND 01/9/2017	33.448	33.448	22.250	22.250	23.250	7.500		30.750	Hoàn thành dự án theo tiến độ; Công văn số 421/SKHCN-VP ngày 16/6/2020
2.2	Mua sắm thiết bị phòng đọc điện tử trong cơ quan và đơn vị Lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Nông	7004686	103	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				85a/QĐ-STTTT, 31/10/2016	1.491	1.491	1.300	1.300	1.300	21		1.321	177/QĐ-STC 12/11/2019
III	**Lĩnh vực khác**								**2.332.748**	**407.024**	**344.373**	**88.312**	**226.693**	**37.022**	**48.744**	**214.971**	
1	**Dự án thanh toán nợ và chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**835.109**	**113.716**	**268.073**	**12.012**	**12.512**	**31.950**	**-**	**44.462**	
a	**Dự án chuyển tiếp hoàn thành sang giai đoạn 2016-2020**								**533.473**	**93.716**	**18.012**	**2.012**	**2.512**	**14.939**	**-**	**17.451**	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1..1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư B	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp				159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2009	524.384	84.627	10.000			14.439		14.439	Công văn số 20/CV-BQL ngày 02/7/2020
1..2	Tiểu hoa viên cây xanh tại Khu Trung tâm thương mại Gia Nghĩa.	7503768	321	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	6.110 m^2	2015-2017	354/QĐ-UBND, 17/3/2015	9.089	9.089	8.012	2.012	2.512	500		3.012	Tăng GPMB
b	**Các dự án Ngân sách trung ương dừng hỗ trợ**								**301.636**	**20.000**	**250.061**	**10.000**	**10.000**	**17.011**	**-**	**27.011**	
1.1	Đường giao thông liên xã Đắk Som - Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	7278049	292	UBND huyện Đắk G'long	Đắk G'Long			782/QĐ-UBND, 11/6/2010	107.670		90.012	10.000	10.000	13.850		23.850	2024/QĐ-UBND 17/12/2019
1.2	Trụ sở làm việc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng	7275063	341	Ban Quản lý vườn Quốc gia Tà Đùng	Đắk G'long		2015-2017	214/QĐ-SKH, 30/10/2013	7.242		6.500			110		110	205/QĐ-STC 25/12/2019
1.3	Trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7037509	341	Văn phòng UBND tỉnh	Gia Nghĩa	cấp 3	2009-2013	1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND, 14/01/2016	139.231		116.990			2.385		2.385	02/QĐ-UBND 03/01/2020; 375/QĐ-UBND 20/3/2020;262/QĐ-UBND 27/02/2020
1.4	Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7246173	161	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa	Cấp III	2015-2017	1029/QĐ-UBND, 14/7/2010;	27.493		16.559			520		520	KL nghiệm thu
1.5	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Ea Pô, huyện Cư Jut	7605032	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	214/QĐ-SNN 15/5/2016	10.000	10.000	10.000			52		52	133/QĐ-UBND 27/8/2019
1.6	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn 4, xã Thuận Hà	7605025	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	212/QĐ-SNN 15/5/2016	5.000	5.000	5.000			37		37	132/QĐ-UBND 27/8/2019

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1.7	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Trúc Sơn, huyện Cư Jut	7605020	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	213/QĐ-SNN 15/5/2017	5.000	5.000	5.000			57		57	134/QĐ-UBND 27/8/2019
2	**Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW, ODA**								**1.382.756**	**178.425**	**61.900**	**61.900**	**140.781**	**3.722**	**44.722**	**99.781**	
a	***Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW***								***666.839***	***94.001***	***30.000***	***30.000***	***87.001***	***2.000***	***43.000***	***46.001***	
2.1	Hồ chứa nước Nam Xuân, huyện Krông Nô	7634500	283	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Krông Nô			4425/QD-BNN-BXD 30/10/2017	487.000	55.000	30.000	30.000	55.000		25.000	30.000	Công văn số 257/BQL-KHTH ngày 11/9/2020
2.2	Hồ chứa nước Đắk N'Ting,tỉnh Đắk Nông	7728850	283	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đắk G'Long			1717/QĐ-UBND 31/10/2018	137.839	32.001			32.001		18.000	14.001	
2.3	Dự án Di dân phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức	7783175	428	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tuy Đức			1620/QĐ-UBND 30/9/2019	42.000	7.000				2.000		2.000	Phát sinh GPMB
b	***Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA***								***715.917***	***84.424***	***31.900***	***31.900***	***53.780***	***1.722***	***1.722***	***53.780***	
2.1	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên (các tiểu dự án ban đầu)			Ban Quản lý dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên" tỉnh Đắk Nông.				1261/QĐ-BNN-HTQT, 04/6/2013, 3168/QĐ-BNN-KH ngày 28/7/2016	455.238	68.644	25.000	25.000	38.000	1.722		39.722	Bổ sung tiểu dự án; theo đề xuất của Sở NN và PTNT

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế bố trí vốn đến hết năm 2019	Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 được duyệt	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn		Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
2.2	Dự án Chuyển đổi Nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VnSat) tỉnh Đắk Nông.	7544044	281	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông				1974/QĐ-UBND 08/12/2015	260.679	15.780	6.900	6.900	15.780		1.722	14.058	
3	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2016-2020**								**114.883**	**114.883**	**14.400**	**14.400**	**73.400**	**1.350**	**4.022**	**70.728**	
a	**Các dự án Khởi công mới giai đoạn 2018-2020**								**114.883**	**114.883**	**14.400**	**14.400**	**73.400**	**1.350**	**4.022**	**70.728**	
-	Trụ sở tiếp Công dân tỉnh Đắk Nông	7556733	341	Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa		2018-2020	1736/QĐ-UBND, 30/10/2015; 53/QĐ-SXD 18/5/2018	6.683	6.683	6.000	6.000	6.000	789		6.789	102/QĐ-UBND 27/8/2020
-	Nhà làm việc Báo Đắk Nông điện tử	7660869	362	Báo Đắk Nông	Gia Nghĩa		2018-2020	294/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000	3.600	3.600	3.600	253		3.853	61/QĐ-STC 12/6/2020
-	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông.	7726885	161	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa		2019-2023	1732/QĐ-UBND 21/10/2019	100.000	100.000	1.000	1.000	60.000		4.022	55.978	
-	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức	7659601	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2018-2020	1694a/QĐ-UBND 30/10/2017	4.200	4.200	3.800	3.800	3.800	308		4.108	KL nghiệm thu

Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	
TỔNG SỐ (A+B)									**4.076.928**	**673.861**	**221.406**	**439.011**	**154.230**	**85.401**	**85.401**	**154.230**	
A	**Nguồn thu sử dụng đất**								**1.981.980**	**283.665**	**56.250**	**171.983**	**78.668**	**39.679**	**39.679**	**78.668**	
I	**Đầu tư các dự án hạ tầng có thu tiền sử dụng đất**								**1.981.980**	**283.665**	**56.250**	**171.983**	**78.668**	**39.679**	**39.679**	**78.668**	
1	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019**								**1.053.000**	**-**	**2.776**	**24.311**	**14.233**	**6.000**	**-**	**20.233**	
1.1	Cụm công trình Thuỷ lợi Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7036448	283	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa			672/QĐ-UBND 27/5/2008	1.053.000		2.776	24.311	14.233	6.000		20.233	Bù hụt thu 2019
2	**Dự án hoàn thành trong năm 2020**								**39.649**	**39.649**	**22.800**	**26.800**	**-**	**4.000**	**-**	**4.000**	
2.1	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	Ban Chỉ huy quân sự thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa			1722/QĐ-UBND, 26/10/2010	39.649	39.649	22.800	26.800		4.000		4.000	
3	**Các dự án chuyển tiếp sang năm 2020**								**889.331**	**244.016**	**30.674**	**120.872**	**64.435**	**29.679**	**39.679**	**54.435**	
3.1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa			159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2009	524.384	84.627	8.483	35.752	10.315	16.272		26.587	
3.2	Hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Đắk Nông (Khu hồ Đại La) hoàn thiện giai đoạn 1 và đường vào khu dự án	7004692	041	Công an tỉnh	Gia Nghĩa		2019-2021	213/QĐ-SXD 30/10/2018	10.889	10.889	6.091	10.000	2.000	1.909		3.909	Bù hụt thu 2019
3.3	Kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa.	7395740	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa		2018-2022	991/QĐ-UBND ngày 12/6/2017	173.500	83.500	5.000	24.000	25.000		25.000	-	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
3.4	Đường bờ Đông hồ Trung tâm	7624264	292	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2018-2022	1723/QĐ-UBND 31/10/2017	155.558	40.000	9.000	26.120	17.120		14.679	2.441	
3.5	Hỗ trợ ngân sách thành phố Gia Nghĩa thực hiện Hạ tầng Hồ Thiên Nga				Gia Nghĩa							9.000		9.000		9.000	
3.6	Hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa	7343942	292	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		2019-2020	1197/QĐ-UBND, 29/8/2011	25.000	25.000	2.100	16.000	10.000	2.498		12.498	Bù hụt thu 2019 GPMB
B	**Nguồn cân đối ngân sách địa phương**								**2.094.948**	**390.196**	**165.156**	**267.028**	**75.562**	**45.722**	**45.722**	**75.562**	
I	**Lĩnh vực Giáo dục, đào tạo**								**48.453**	**48.453**	**36.100**	**40.122**	**-**	**8.267**	**-**	**8.267**	
1	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019**								**48.453**	**48.453**	**36.100**	**40.122**	**-**	**8.267**	**-**	**8.267**	
1.1	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học tỉnh Đắk Nông	7445946	075	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2015-2017	1359/QĐ-UBND, 12/9/2014	14.131	14.131	7.500	7.535		35		35	11/QĐ-STC 20/01/2020
1.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tường rào, nhà công vụ Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Đắk Nông	7557148	075	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2017-2019	165/QĐ-SXD 31/10/2016	2.047	2.047	1.800	1.936		136		136	42/QĐ-STC 28/4/2020
1.3	Trường THPT Krông Nô; hạng mục: Nhà lớp học 12 phòng, 03 tầng	7599568	074	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Krông Nô		2017-2019	164/QĐ-SXD 30/10/2016	8.000	8.000	7.200	7.256		56		56	43/QĐ-STC 04/5/2020
1.4	Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện Tuy Đức	7606899	075	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2017-2019	172/QĐ-SXD 31/10/2016; 132/QĐ-SXD 12/6/2017	11.473	11.473	9.700	11.452		5.997		5.997	KL nghiệm thu
1.5	Trường THPT xã Đắk Wil, huyện Cư Jut	7606286	074	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jut		2017-2019	163/QĐ-SXD 31/10/2016	12.802	12.802	9.900	11.943		2.043		2.043	13/QĐ-STC 13/12/2019

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
II	**Lĩnh vực khoa học, công nghệ**								**43.144**	**43.144**	**23.550**	**32.250**	**1.000**	**7.700**	**-**	**8.700**	
1	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019**								**9.696**	**9.696**	**1.300**	**1.500**	**-**	**200**	**-**	**200**	
1.1	Trạm ứng dụng và phát triển công nghệ sinh học tỉnh Đắk Nông	7043187	103	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.				213/QĐ-SKH 03/12/2008; 110/QĐ-SKH 20/7/2010	8.205	8.205		179		179		179	10/QĐ-STC 20/01/2020
1.2	Mua sắm thiết bị phòng đọc điện tử trong cơ quan và đơn vị Lực lượng vũ trang tỉnh Đắk Nông	7004686	103	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh				85a/QĐ-STTTT, 31/10/2016	1.491	1.491	1.300	1.321		21		21	177/QĐ-STC 12/11/2019
2	**Các dự án hoàn thành năm 2020**								**33.448**	**33.448**	**22.250**	**30.750**	**1.000**	**7.500**	**-**	**8.500**	
2.1	Nâng cao năng lực cho Trung tâm Thông tin ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông.	7560159	103	Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa		2016-2018	501/QĐ-UBND 31/3/2016; 1426/QĐ-UBND 01/9/2017	33.448	33.448	22.250	30.750	1.000	7.500		8.500	
III	**Lĩnh vực y tế (nguồn XSKT)**								**31.282**	**27.355**	**20.438**	**42.730**	**6.562**	**2.309**	**2.309**	**6.562**	
1	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019**								**8.927**	**5.000**	**3.673**	**5.163**	**927**	**1.787**	**-**	**2.714**	
1.1	Trạm Y tế xã Nam Xuân	7523006	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông				1027/QĐ-UBND 10/7/2015	3.500			163		163		163	1979/QĐ-UBND 18/12/2017
1.2	Trạm y tế xã Quảng Trực	7601292	132	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức			1528/QĐ-UBND 28/10/2016; 386/QĐ-UBND 07/3/2017	5.427	5.000	3.673	5.000	927	1.624		2.551	1836/QĐ-UBND 15/9/2020
2	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020**								**4.763**	**4.763**	**4.028**	**4.444**	**472**	**-**	**56**	**416**	
2.1	Sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh phục vụ Đề án Bệnh viện vệ tinh.	7661108	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2018-2020	298/QĐ-UBND 30/10/2017	4.763	4.763	4.028	4.444	472		56	416	
3	**Các dự án chuyển tiếp sang năm 2020**								**17.592**	**17.592**	**12.737**	**16.669**	**3.163**	**522**	**253**	**3.432**	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
3.1	Nâng cấp 01 phòng mổ Bệnh viện đa khoa tỉnh đạt chuẩn vô khuẩn cấp độ 10.000 (tuyệt trùng 100%)	7725007	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2019-2021	198/QĐ-SXD 26/10/2018	7.000	7.000	6.000	6.714	500		253	247	
3.2	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống khí y tế, thang máy BVĐK tỉnh Đắk Nông	7725006	132	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		2019-2021	1718/QĐ-UBND 31/10/2018	5.000	5.000	2.300	4.650	2.100	250		2.350	
3.3	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 Trạm y tế (ngoài các trạm y tế đã được đầu tư năm 2017)	7725008	139	Sở Y tế tỉnh Đắk Nông			2019-2021	206/QĐ-SXD 30/10/2018	5.592	5.592	4.437	5.305	563	272		835	
4	**Thông báo sau (thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo quy định Trung ương)**											**16.454**	**2.000**		**2.000**	**-**	
IV	**Lĩnh vực khác**								**1.972.069**	**271.244**	**85.068**	**151.926**	**68.000**	**27.446**	**43.413**	**52.033**	
1	**Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019**								**533.473**	**93.716**	**2.012**	**17.451**	**-**	**2.491**	**-**	**2.491**	
1..1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa			159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2009	524.384	84.627		14.439		1.491		1.491	
1..2	Tiểu hoa viên cây xanh tại Khu Trung tâm thương mại Gia Nghĩa.	7503768	321	UBND thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	6.110 m^2	2015-2017	354/QĐ-UBND, 17/3/2015	9.089	9.089	2.012	3.012		1.000		1.000	
2	**Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020**								**14.883**	**14.883**	**13.400**	**14.750**	**-**	**1.350**	**-**	**1.350**	
2.1	Trụ sở tiếp Công dân tỉnh Đắk Nông	7556733	341	Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa		2018-2020	1736/QĐ-UBND, 30/10/2015; 53/QĐ-SXD 18/5/2018	6.683	6.683	6.000	6.789		789		789	102/QĐ-UBND 27/8/2020
2.2	Nhà làm việc Báo Đắk Nông điện tử	7660869	362	Báo Đắk Nông	Gia Nghĩa		2018-2020	294/QĐ-SXD 30/10/2017	4.000	4.000	3.600	3.853		253		253	61/QĐ-STC 12/6/2020
2.3	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức	7659601	341	Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Tuy Đức		2018-2020	1694a/QĐ-UBND 30/10/2017	4.200	4.200	3.800	4.108		308		308	KL nghiệm thu

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
3	**Các dự án Ngân sách Trung ương dừng hỗ trợ chuyển về NSĐP**								**301.636**	**-**	**10.000**	**27.011**	**-**	**17.011**	**-**	**17.011**	
3.1	Đường giao thông liên xã Đắk Som - Đắk R'Măng, huyện Đắk Glong	7278049	292	UBND huyện Đắk G'long	Đắk G'Long			782/QĐ-UBND, 11/6/2010	107.670		10.000	23.850		13.850		13.850	2024/QĐ-UBND 17/12/2019
3.2	Trụ sở làm việc Khu bảo tồn thiên nhiên Tà Đùng	7275063	341	Ban Quản lý vườn Quốc gia Tà Đùng	Đắk G'long		2015-2017	214/QĐ-SKH, 30/10/2013	7.242			110		110		110	205/QĐ-STC 25/12/2019
3.3	Trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	7037509	341	Văn phòng UBND tỉnh	Gia Nghĩa	cấp 3	2009-2013	1399/QĐ-CTUBND, 24/10/2007; 532/QĐ-UBND 17/4/2010; 1977/QĐ-UBND, 26/12/2014; 72/QĐ-UBND, 14/01/2016	139.231			2.385		2.385		2.385	02/QĐ-UBND 03/01/2020; 375/QĐ-UBND 20/3/2020;262/QĐ-UBND 27/02/2020
3.4	Trụ Sở làm việc Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông	7246173	161	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa	Cấp III	2015-2017	1029/QĐ-UBND, 14/7/2010;	27.493			520		520		520	KL nghiệm thu
3.5	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Ea Pô, huyện Cư Jut	7605032	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	214/QĐ-SNN 15/5/2016	10.000			52		52		52	133/QĐ-UBND 27/8/2019
3.6	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung thôn 4, xã Thuận Hà	7605025	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	212/QĐ-SNN 15/5/2016	5.000			37		37		37	132/QĐ-UBND 27/8/2019
3.7	Nâng cấp công trình cấp nước tập trung xã Trúc Sơn, huyện Cư Jut	7605020	309	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn			2017	213/QĐ-SNN 15/5/2017	5.000			57		57		57	134/QĐ-UBND 27/8/2019
4	**Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW, ODA**								**1.122.077**	**162.645**	**55.000**	**85.723**	**68.000**	**6.135**	**43.413**	**30.722**	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
a	***Đối ứng các dự án sử dụng vốn NSTW***								***666.839***	***94.001***	***30.000***	***46.001***	***57.000***	***2.000***	***43.000***	***16.000***	
4.1	Hồ chứa nước Nam Xuân, huyện Krông Nô	7634500	283	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Krông Nô			4425/QD-BNN-BXD 30/10/2017	487.000	55.000	30.000	30.000	25.000		25.000	-	
4.2	Hồ chứa nước Đắk N'Ting,tỉnh Đắk Nông	7728850	283	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Đắk G'Long			1717/QĐ-UBND 31/10/2018	137.839	32.001		14.001	32.000		18.000	14.000	
4.3	Dự án Di dân phát triển kinh tế xã hội khu vực biên giới huyện Tuy Đức	7783175	428	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Tuy Đức			1620/QĐ-UBND 30/9/2019	42.000	7.000		2.000		2.000		2.000	GPMB
b	***Đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA***								***455.238***	***68.644***	***25.000***	***39.722***	***11.000***	***4.135***	***413***	***14.722***	
4.5	Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên (các tiểu dự án ban đầu)			Ban Quản lý dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất cho các tỉnh Tây Nguyên" tỉnh Đắk Nông.				1261/QĐ-BNN-HTQT, 04/6/2013, 3168/QĐ-BNN-KH ngày 28/7/2016	455.238	68.644	25.000	39.722	11.000	4.135	413	14.722	
-	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi Krông Nô	7457042	283		Huyện Krông Nô	620ha	2014-2020	QĐ số 573/QĐ-UBND, ngày 23/4/2015; 2167/QĐ-UBND, 27/12/2018	29.774	17.460			3.200	500		3.700	
-	Sửa chữa, nâng cấp cụm công trình thủy lợi Cư Jút	7457043	283		Huyện Cư Jút	1.433ha	2014-2020	QĐ số 572/QĐ-UBND, ngày 23/4/2015	21.130	14.926			253	-		253	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Lũy kế trung hạn đã giao hết năm 2019	Kế hoạch trung hạn 2016-2020 sau điều chỉnh	Kế hoạch năm 2020	Điều chỉnh kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2020 sau điều chỉnh	Ghi chú
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					Tăng	Giảm		
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP							
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Quảng Lộc, thôn 2 Đăk Sin, huyện Đăk R'lấp	7486250	283		Huyện Đăk R'lấp	430ha	2014-2020	QĐ số 1362/QĐ-UBND, ngày 10/9/2015; 1868/QĐ-UBND, 28/10/2016; 1895/QĐ-UBND ngày 22/11/2019	19.442	10.326			2.847	1.400		4.247	
-	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi thị xã Gia Nghĩa	7593181	283		T.P Gia Nghĩa	301ha	2014-2020	QĐ số 337/QĐ-UBND, ngày 28/02/2017	17.289	17.404			3.200		413	2.787	
-	Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng Trung tâm giống thủy sản	7639664	283		Huyện Đăk Mil	16ha	2014-2020	QĐ số 493/QĐ-UBND, ngày 09/4/2018	6.971	5.000			1.500	800		2.300	
-	Cải tạo hệ thống kênh tiêu úng Buôn K'ruế, huyện Krông Nô	7457044	283		Huyện Krông Nô		2014-2018	1261/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/6/2013 Bộ NN và PTNT	2.166	600				1.435		1.435	1301/QĐ-UBND 31/8/2020
5	**Thực hiện hỗ trợ chính sách khuyến khích đầu tư đã được HĐND tỉnh thông qua**										**4.656**	**6.991**		**459**		**459**	*Theo Quyết định 1909/QĐ-UBND ngày 26/11/2019*

Phụ lục III

DANH MỤC DỰ ÁN BỔ SUNG NGOÀI KẾ HOẠCH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 24 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu hoặc QĐ đầu tư điều chỉnh đã được phê duyệt			Kế hoạch năm 2020		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP			
	TỔNG SỐ			**80.758**	**3.000**	**13.000**	**13.000**	
	Nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2019							
1	Cấp bách xây dựng chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	2020		3.000	3.000	3.000	3.000	Theo Kết luận của Thường trực HĐND tại Thông báo số 15/TB-HĐND ngày 26/3/2020
2	Nơ Trang Lơng và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc 1912-1936 (giai đoạn 1)		1013/QĐ-UBND 11/7/2014; 1111/QĐ-UBND 03/7/2017; 459/QĐ-UBND 03/4/2020; 1295/QĐ-UBND 28/8/2020	77.758		10.000	10.000	